

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các
điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 17/TTr-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh
tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành Nghị quyết quy
định một số nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp
trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 147/BC-HĐND ngày 29 tháng
11 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức
chi hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức
chi hỗ trợ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định một số nội dung, mức chi,
hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà
Mau; Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và

điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hướng dẫn lập và phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng theo quy định.

2. Các chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khoá X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Kiểm toán nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung, mức chi hỗ trợ đảm bảo hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc chung

- Kinh phí chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó đảm bảo chi. Cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí với nguồn ngân sách cùng cấp.
- Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng chế độ, định mức, đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Hội đồng nhân dân

được chi theo quy định này thì không được thanh toán các khoản chi cùng nội dung tại cơ quan, đơn vị công tác.

Chương II

MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI HỖ TRỢ CỤ THỂ

Điều 4. Hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri: Trường hợp đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri theo quy định của Đoàn đại biểu Quốc hội. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cấp xã cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri do Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo, như sau:

a) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 5.000.000 đồng/điểm;

b) Điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 2.500.000 đồng/điểm;

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức tiếp xúc cử tri theo hình thức trực tuyến, hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri 1.000.000 đồng/điểm.

2. Chi bồi dưỡng cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri

a) Cấp tỉnh: Đại biểu Hội đồng nhân dân 150.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 100.000 đồng/người/buổi;

b) Cấp xã: Đại biểu Hội đồng nhân dân 75.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 5. Hoạt động tiếp công dân

1. Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được quy định: 150.000 đồng/người/ngày.

2. Bồi dưỡng cán bộ, công chức; lực lượng an ninh; y tế được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân: 75.000 đồng/người/ngày.

Điều 6. Hoạt động giám sát chuyên đề, khảo sát; thẩm tra

1. Hỗ trợ đơn vị tổ chức làm việc với đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/đơn vị (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh);

b) Cấp xã: 2.500.000 đồng/đơn vị (trừ các phòng, ban, ngành cấp xã).

2. Chi bồi dưỡng cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra; họp Đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh: Đại biểu Hội đồng nhân dân 150.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 100.000 đồng/người/buổi;

b) Cấp xã: Đại biểu Hội đồng nhân dân 75.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 50.000 đồng/người/buổi.

3. Căn cứ mức chi tại khoản 2 Điều này, đại biểu là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát, chủ trì thẩm tra được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

4. Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các tổ chức, cá nhân, Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định việc thuê tổ chức, cá nhân thẩm định, tư vấn độc lập theo hợp đồng công việc, mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn, tối đa 5.000.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát.

Điều 7. Hỗ trợ công tác phí tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời được đảm bảo chế độ công tác phí (chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ) theo quy định hiện hành. Ngoài ra, trong trường hợp tự túc phương tiện khi tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ thêm, như sau:

1. Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày;

2. Cấp xã: 150.000 đồng/người/ngày.

Điều 8. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, như sau:

a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm;

b) Cấp xã: 3.000.000 đồng/người/năm.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định của cấp có thẩm quyền thì không được hưởng chế độ theo quy định tại Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ may lễ phục

1. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may lễ phục, như sau:

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ;

b) Cấp xã: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

2. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may lễ phục bằng 50% mức chi tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ đại biểu nghiên cứu tài liệu

Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, như sau:

1. Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng;

2. Cấp xã: 400.000 đồng/người/tháng.

Điều 11. Hỗ trợ học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Hỗ trợ kinh phí (ngoài các chế độ được hưởng theo quy định hiện hành) cho đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân khi được cấp có thẩm quyền, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công đi dự hội nghị, học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ ngoài nước và ngoài tỉnh liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, như sau:

a) Đi nước ngoài: 5.000.000 đồng/người/đợt;

b) Đi trong nước (ngoài tỉnh): Thời gian từ 15 ngày trở lên: 5.000.000 đồng/người/đợt; từ 07 ngày đến 14 ngày: 3.000.000 đồng/người/đợt; từ 04 ngày đến 06 ngày: 2.000.000 đồng/người/đợt; từ 01 ngày đến 03 ngày: 1.000.000 đồng/người/đợt.

2. Chi tổ chức đoàn công tác đi học tập, trao đổi kinh nghiệm ngoài tỉnh liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân thực hiện theo chương trình, kế hoạch, dự toán theo quy định hiện hành và khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hỗ trợ trang thiết bị công nghệ thông tin, khai thác thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân

1. Trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân: Thực hiện theo đề án, kế hoạch và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ kinh phí khai thác thông tin, tài liệu cho đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng;

b) Cấp xã: 250.000 đồng/người/tháng.

Điều 13. Phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân, các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Chi hoạt động tại kỳ họp, thảo luận Tổ trước Kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Chi bồi dưỡng cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động kỳ họp của Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Đại biểu Hội đồng nhân dân 150.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: Đại biểu Hội đồng nhân dân 75.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 50.000 đồng/người/buổi;

b) Căn cứ mức chi tại điểm a, khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ tọa kỳ họp, Chủ trì phiên thảo luận Tổ được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng và Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng;

c) Chi bồi dưỡng các đơn vị phối hợp tổ chức, phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Bộ phận Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia chuẩn bị phục vụ kỳ họp 4.000.000 đồng/ngày; bộ phận Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia phục vụ chuẩn bị kỳ họp 2.000.000 đồng/ngày; bộ phận làm nhiệm vụ truyền hình trực tiếp kỳ họp 3.000.000 đồng/ngày; Đội Bảo vệ mục tiêu tại Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh 1.000.000 đồng/ngày; bộ phận được phân công tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông 4.000.000 đồng/ngày; nhân viên trực điện,

nhân viên y tế 200.000 đồng/người/ngày;

Cấp xã: Bộ phận phục vụ Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tham gia chuẩn bị phục vụ kỳ họp 2.000.000 đồng/ngày; bộ phận được phân công tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông 2.000.000 đồng/ngày; bộ phận làm nhiệm vụ truyền thanh trực tiếp kỳ họp 1.000.000 đồng/ngày; nhân viên trực điện, nhân viên y tế 100.000 đồng/người/ngày.

2. Phục vụ tổ chức hội, họp (phiên họp giải trình, chất vấn; hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân; hội nghị, hội thảo lấy ý kiến đóng góp văn bản do Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì; hội nghị tập huấn, bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân; hội nghị chuyên đề khác)

a) Chi bồi dưỡng cá nhân tham dự, phục vụ các cuộc hội, họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: Đại biểu Hội đồng nhân dân 150.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 100.000 đồng/người/buổi;

Cấp xã: Đại biểu Hội đồng nhân dân 75.000 đồng/người/buổi; thành phần tham dự (gồm: Đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân) 50.000 đồng/người/buổi;

b) Căn cứ mức chi tại điểm a khoản 2 Điều này, đại biểu là Chủ trì được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng; Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng;

c) Chi hội, họp do các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức: Mức chi bằng 70% mức chi tương ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

3. Hỗ trợ tiền ăn

a) Tại các kỳ họp; thảo luận Tổ; hội nghị thẩm tra các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; cuộc họp, phiên họp giải trình, chất vấn, hội nghị, hội thảo liên quan đến hoạt động Hội đồng nhân dân: Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân và lực lượng được trưng tập phục vụ được hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/buổi;

b) Trường hợp không bố trí ăn tập trung thì được thanh toán theo mức chi tiền ăn;

c) Trường hợp Thường trực Hội đồng nhân dân có tổ chức mời cơm, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Hỗ trợ nước uống giữa buổi tại các cuộc họp, hội nghị: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 14. Thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội đồng nhân dân

1. Chi thăm hỏi, hỗ trợ các tổ chức, cơ quan, đơn vị; tổ chức xã hội, tôn giáo, dân tộc thiểu số; lực lượng vũ trang; cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; cơ sở chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội

a) Cấp tỉnh: Không quá 10.000.000 đồng/đơn vị, tổ chức/lượt;

b) Cấp xã: 3.000.000 đồng/đơn vị, tổ chức/lượt.

2. Chi thăm hỏi, hỗ trợ cá nhân là gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; người có uy tín, nhân sĩ trí thức; hộ nghèo; hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi, người già neo đơn, người tàn tật không nơi nương tựa

a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/cá nhân/lượt;

b) Cấp xã: 2.000.000 đồng/cá nhân/lượt.

3. Chi thăm hỏi, hỗ trợ khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, ốm đau

a) Đối tượng thăm hỏi, hỗ trợ

Đại biểu Hội đồng nhân dân; cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) và con của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Cán bộ hưu trí nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là lãnh đạo sở, ban, ngành cấp tỉnh; nguyên là lãnh đạo cấp xã từ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tương đương trở lên;

Cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân; cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) và con của cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân.

b) Mức chi

Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/lượt;

Cấp xã: 2.000.000 đồng/người/lượt.

4. Chi viếng tang lễ

a) Đối tượng viếng tang lễ

Đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa; lãnh đạo Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố; lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; nguyên là lãnh đạo cấp xã từ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tương đương trở lên; cha, mẹ ruột, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của các đối tượng này;

Cha, mẹ ruột; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đương nhiệm;

Cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đương chức và nghỉ hưu;

b) Mức chi

Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người;

Cấp xã: 3.000.000 đồng/người.

5. Hỗ trợ tặng phẩm lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân

a) Khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân; nghỉ hưu; thôi việc; chuyển công tác khác (trong nhiệm kỳ không còn là đại biểu Hội đồng nhân dân); thời giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu: Mức chi cấp tỉnh 3.000.000 đồng/người; cấp xã 1.500.000 đồng/người;

b) Cán bộ, công chức và người lao động cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân khi nghỉ hưu; thôi việc; chuyển công tác: Mức chi cấp tỉnh 2.500.000 đồng/người; cấp xã 1.000.000 đồng/người.

Điều 15. Hỗ trợ soạn thảo và ban hành văn bản

1. Cấp tỉnh

a) Xây dựng văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân: 1.500.000 đồng/văn bản;

b) Xây dựng kế hoạch giám sát (bao gồm đề cương); báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân: 3.000.000 đồng/văn bản;

c) Xây dựng kế hoạch giám sát, khảo sát (bao gồm đề cương); báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 2.000.000 đồng/văn bản. Báo cáo theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội: 1.000.000 đồng/văn bản;

d) Xây dựng báo cáo thẩm tra các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân (trừ nghị quyết quy phạm pháp luật): 1.500.000 đồng/văn bản. Xây dựng báo cáo thẩm tra các văn bản trình Thường trực Hội đồng nhân dân; biên bản tổng hợp ý kiến của đại biểu qua thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 500.000 đồng/văn bản;

đ) Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu qua thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trình Kỳ họp Hội đồng nhân dân; kế hoạch tổ chức phiên giải trình, phiên chất vấn (bao gồm đề cương) của Thường trực Hội đồng nhân dân: 1.000.000 đồng/văn bản;

e) Xây dựng báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp: 1.000.000 đồng/văn bản. Xây dựng chương trình, kế hoạch, báo cáo hoạt động, chuyên đề 06 tháng trở lên của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân; biên bản Kỳ họp Hội đồng nhân dân: 800.000 đồng/văn bản;

g) Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân: 2.000.000 đồng/văn bản;

h) Xây dựng đề án, quy chế, quy định của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân: 3.000.000 đồng/văn bản;

i) Xây dựng bài phát biểu khai mạc, phát biểu bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân. Báo cáo đề dẫn hội nghị, hội thảo của Thường trực Hội đồng nhân dân; bài phát biểu tham luận tại các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Trung ương, khu vực, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức: 1.500.000 đồng/văn bản;

k) Xây dựng chương trình kỳ họp (bao gồm chương trình điều hành kỳ họp); Thông báo ý kiến kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp, hội nghị, hội thảo; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân; văn bản trả lời phỏng vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước, sau kỳ họp Hội đồng nhân dân (bao gồm đề cương tiếp xúc cử tri): 500.000 đồng/văn bản;

l) Xây dựng nghị quyết cá biệt do Thường trực Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân (trừ nghị quyết về công tác cán bộ): 1.000.000 đồng/văn bản.

2. Cấp xã: Mức hỗ trợ bằng 30% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.